

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: **45/2020/HNGĐ – ST**

Ngày: **23/9/2020**

“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Kim Sa Pha

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Lâm Ngọc Hà
- Ông Nguyễn Văn Ngư

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Mộng Kiều – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 147/2020/TLST – HNGĐ ngày 10/6/2020; Về việc: *“Tranh chấp ly hôn và nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2020/QĐST – HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2020/QĐST – HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị P, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp G, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).
- *Bị đơn:* Anh Quách Văn B, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp G, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 11 năm 2019, các chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn chị Trần Thị P trình bày:*

Chị P với anh Quách Văn B cưới nhau năm 2006, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 58/2011 ngày 26/4/2006. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau hai con chung tên Quách Kiến H, sinh ngày 09/6/2007 và Quách Kiến N, sinh ngày 08/6/2014. Đến năm 2016, tình cảm vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh B không quan tâm, chia sẻ với chị và thường xuyên nhậu nhẹt, về nhà bạo lực gia đình. Sau nhiều lần chị cho anh B cơ hội để sửa đổi, nhưng anh B vẫn không thay đổi tính tình, làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị với anh B đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay.

Trong thời gian vợ chồng sống ly thân giữa chị với anh B không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, hai bên không còn quan tâm đến nhau, chị cũng không còn tình cảm với anh B, nên yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết được ly hôn với anh B theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Chị P yêu cầu được quyền nuôi hai con tên Quách Kiến H, sinh ngày 09/6/2007 và Quách Kiến N, sinh ngày 08/6/2014 sau khi ly hôn, không yêu cầu anh Quách Văn B phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Quách Văn B được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không có ý kiến trả lời cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị P và cũng như vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra, giao nộp, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử sơ thẩm.

* *Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn chấp hành nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án, còn bị đơn chưa chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, cũng như không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn chị Trần Thị P đối với anh Quách Văn B, cho chị P được ly hôn với anh P theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, còn con chung cháu H và cháu N giao cho chị P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, không đặt ra xem xét đối với việc cấp dưỡng nuôi con do chị P không yêu cầu; Tài sản chung, nợ chung không có, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bị đơn anh Quách Văn B. Xét thấy, anh Quách Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Quách Văn B theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Trần Thị P với anh Quách Văn B cưới nhau năm 2006, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 58/2011 ngày 26/4/2006. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau hai con chung. Theo chị P trình bày, sau khi cưới cuộc sống hôn nhân của chị với anh B rất hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn vợ chồng, do anh B không quan tâm

chia sẻ cuộc sống với chị, thường xuyên nhậu nhệc về bạo lực gia đình (đánh chị và các con), làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, chị đã cho anh B nhiều cơ hội để sửa đổi nhưng anh B không thay đổi nên chị với anh B ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian chị P với anh B sống ly thân, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, nay chị P cho rằng hai bên không còn tình cảm và quan tâm đến nhau, nên chị P nộp đơn xin ly hôn với anh B. Từ đó các bên phát sinh tranh chấp.

[3] Về hôn nhân: Chị Trần Thị P với anh Quách Văn B cưới nhau năm 2006, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, được Ủy ban nhân dân xã An Hiệp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 58/2011 ngày 26/4/2006 nên quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh B là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ khi có phát sinh tranh chấp. Tuy nhiên, theo chị P trình bày, sau khi cưới cuộc sống hôn nhân của chị với anh B hạnh phúc được hơn 10 năm, có với nhau hai con, nhưng đến năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh B thường xuyên nhậu nhệc và về bạo lực gia đình (đánh chị và các con) dẫn đến mâu thuẫn tình cảm vợ chồng ngày càng nhiều, anh B vẫn không thay đổi tính tình, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị với anh B đã sống ly thân bốn năm nay. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị P đối với anh B thì thấy, đến thời điểm hiện nay mâu thuẫn hôn nhân giữa chị P với anh B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài và tại phiên Tòa hôm nay chị P cương quyết xin ly hôn với anh B vì theo chị là hai bên không còn tình cảm với nhau, không còn quan tâm đến nhau, chị đã cho anh B nhiều cơ hội sửa đổi nhưng không giải quyết được mâu thuẫn tình cảm vợ chồng và bị đơn anh B cũng không có ý kiến gì phản đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị P nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị P đối với anh Quách Văn B.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị P với anh Quách Văn B có hai con chung tên Quách Kiến H, sinh ngày 09/6/2007 và Quách Kiến N, sinh ngày 08/6/2014, hiện hai cháu đang được chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Chị P có yêu cầu được quyền nuôi hai con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, yêu cầu của chị P là phù hợp với nguyện vọng của cháu H được tiếp tục chung sống với chị P, sau khi cha mẹ ly hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình (Theo biên bản ghi nhận ý kiến ngày 08/7/2020), hiện nay hai cháu Kiến H và Kiến N đang được chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, để đảm bảo sự ổn định về chỗ ở, học tập và tâm lý của các cháu nên việc giao hai con cho chị P được quyền tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của pháp luật. Đồng thời, bị đơn anh B cũng không có ý kiến gì phản đối với yêu cầu được quyền nuôi con của chị P sau khi ly hôn, nên yêu cầu này của chị P là có căn cứ, được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

- Về cấp dưỡng nuôi con, do chị P không yêu cầu anh B cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chị Trần Thị P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định là 300.000 đồng.

[7] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1,3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1/Về hôn nhân: Chị Trần Thị P được ly hôn với anh Quách Văn B.

2/Về con chung: Giao hai con chung tên Quách Kiến H, sinh ngày 09/6/2007 và Quách Kiến N, sinh ngày 08/6/2014 cho chị Trần Thị P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con đến tuổi trưởng thành, sau khi ly hôn với anh B.

Dành cho anh Quách Văn B được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Do chị P không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Nguyên đơn chị Trần Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005113 ngày 18/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, như vậy chị P đã nộp xong.

5/ Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự, thủ tục phúc thẩm. Đối với bị đơn anh Quách Văn B vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

6/ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều

9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Kim Sa Pha